

Bản án số: 421/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-08-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Cao Kim Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 08 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2781/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3306/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 30C Đ, phường P, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 47/26C đường Tân Hóa, Phường 14, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Dương Khắc H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 30C Đ, phường P, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:*

Bà và ông Dương Khắc H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/6/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 ông H mê bài bạc không chăm lo vợ con, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi. Hai bên ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dương Khắc H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Dương Ngọc Bảo A (nữ), sinh ngày 15/01/2008 và trẻ Dương Gia B (nam), sinh ngày 11/01/2010.

Bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Dương Khắc H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Dương Khắc H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tố tụng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà Phạm Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Dương Khắc H là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Cả hai trẻ đều có nguyện vọng ở với bà T sau khi ly hôn, xét thấy cần giao hai con chung tên Dương Ngọc Bảo A (nữ), sinh ngày 15/01/2008 và trẻ Dương Gia B (nam), sinh ngày 11/01/2010 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Quận 1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Dương Khắc H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường P, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 06 năm 2007) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc từ hai phía. Tuy nhiên, theo bà T khai giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn trầm trọng về quan điểm sống không thể hòa giải được. Ngoài ra, theo bà T trình bày ông H mê bài bạc, không chăm lo cho vợ con, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi. Phía ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/6/2019 cho biết ông Dương Khắc H và bà Phạm Thị Ngọc T đã ly thân khoảng một năm. Hiện hai con chung là trẻ Dương Ngọc Bảo A (nữ), sinh ngày 15/01/2008 và trẻ Dương Gia B (nam), sinh ngày 11/01/2010 do ông Dương Khắc H trực tiếp nuôi dưỡng, không có điều kiện do cờ bạc.

Qua ý kiến trình bày của bà T, sự vắng mặt của ông H, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn ông H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc T được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Dương Ngọc Bảo A (nữ), sinh ngày 15/01/2008 và trẻ Dương Gia B (nam), sinh ngày 11/01/2010 sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà Phạm Thị Ngọc T và ông Dương Khắc H có 02 con chung là trẻ Dương Ngọc Bảo A (nữ), sinh ngày 15/01/2008 và trẻ Dương Gia B (nam), sinh ngày 11/01/2010; Bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến về con chung mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn gia đình và không quan tâm đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường P Quận 1 cho biết ông H hiện là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không có điều kiện do cờ bạc. Ngoài ra, trẻ Dương Ngọc Bảo A và trẻ Dương Gia B có bản khai trình bày nguyện vọng sau khi ly hôn muốn ở với bà T để thuận tiện chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 58, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Dương Khắc H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Khoản 3, Điều 228; Điều 271 và Khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Dương Khắc H (Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường P, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 06 năm 2007).

Về con chung: Giao trẻ Dương Ngọc Bảo A (nữ), sinh ngày 15/01/2008 và trẻ Dương Gia B (nam), sinh ngày 11/01/2010 cho bà Phạm Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Dương Khắc H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Bà T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2018/0007461 ngày 03 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1; Bà Phạm Thị Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Ngọc T, ông Dương Khắc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND P. P, Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Phúc Hảo